

### 35. Trược thế ác khổ (濁世惡苦)

#### Chánh kinh:

佛告彌勒：汝等能於此世，端心正意，不為眾惡，甚為大德。所以者何？十方世界，善多惡少，易可開化。唯此五惡世間，最為劇苦。我今於此作佛，教化羣生，令捨五惡，去五痛，離五燒，降化其意，令持五善，獲其福德。何等為五？

*Phật cáo Di Lặc: - Như đấng năng u thử thế, đoan tâm chánh ý, bất vi chúng ác, thậm vi đại đức. Sở dĩ giả hà? Thập phương thế giới, thiện đa ác thiểu, dị khả khai hóa. Duy thử ngũ ác thế gian, tối vi kịch khổ. Ngã kim u thử tác Phật, giáo hóa quần sanh, linh xả ngũ ác, khử ngũ thống, ly ngũ thiêu, hàng hóa kỳ ý, linh trì ngũ thiện, hoạch kỳ phước đức. Hà đấng vi ngũ?*

**Phật bảo Di Lặc: - Các ông nếu như có thể trong đời này đoan tâm chánh ý, chẳng làm các điều ác thì thật là đại đức. Vì sao vậy? Mười phương thế giới thiện nhiều ác ít, dễ bề khai hóa. Chỉ có thế gian ngũ ác này là khổ sở nhất. Ta nay làm Phật trong cõi này, giáo hóa quần sanh khiến cho họ bỏ năm sự ác, trừ năm sự đau, lìa năm sự đốt; hàng phục, cải hóa tâm ý của họ, khiến cho họ vâng giữ năm điều lành, đạt được phước đức. Những gì là năm?**

#### Giải:

Phẩm này giảng rõ sự ác khổ trong cõi đời ô trược này. Ác là ngũ ác, Khổ là năm điều đau đớn, năm điều thiêu đốt. Phật khuyên dạy chúng sanh bỏ ác làm lành hầu lìa khổ, được vui. Tịnh Ảnh Sớ chép: “Năm giới để ngăn ngừa năm sự ác là giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu. Tạo năm điều ác ấy thì hiện đời bị phép vua trị tội, thân gặp ách nạn, nên bảo là năm sự đau đớn. Do năm điều ác đó, trong đời vị lai sẽ chịu quả báo trong tam đồ nên gọi là năm sự đốt”. Ngũ Ác là nhân của sự ác. Ngũ Thống là hoa báo, Ngũ Thiêu là quả báo.

Gia Tường Sớ lại giảng năm điều ác như sau: “*Vì sao chỉ nói đến năm điều này? Do người đời thích gây tạo [năm điều ấy] nên mới riêng nêu lên*”.

“*Đoan tâm chánh ý*” là tâm chân chánh, ý chân thành, khéo giữ gìn ý niệm của mình, xa lìa ba độc (tham, sân, si), chẳng mơ tưởng đến

việc tà ác. Ngài Nghĩa Tịch lại giảng: “*Hướng đến Bồ Đề là đoan tâm, chẳng cầu việc khác là chánh ý*”. Hiểu như vậy là hiểu ở mức độ càng sâu hơn nữa, bởi chỉ có hướng đến Bồ Đề mới là “*đoan tâm*”, chẳng hề cầu mong điều gì khác là “*chánh ý*”. Nếu có thể đoan chánh thân tâm như vậy thì tự nhiên chẳng làm các điều ác nên bảo là “*thậm vi đại đức*” (thật là đại đức). “*Đại đức*” là đức đến cùng tột.

Ngài Gia Tường giảng câu “*thiện đa ác thiểu, dị khả khai hóa*” (thiện nhiều, ác ít, dễ bề khai hóa) như sau: “*Trong các cõi khác có nhiều duyên thù thắng, thiện báo lại càng mạnh mẽ, thù thắng hơn nên dễ làm lành. Cõi này chẳng có hai duyên ấy. ‘Khai hóa’ là Phật khai ngộ, giáo hóa vậy*”. Tiếp đó, ý nghĩa của cả đoạn từ câu “*duy thử ngũ ác thế gian*” (chỉ có cái thế gian ngũ ác này) đến “*ly ngũ thiện*” (liã năm sự đốt) đã quá rõ.

Gia Tường Sớ giảng câu “*hàng hóa kỳ ý, linh trì ngũ thiện*” như sau: “*Hàng phục, cải hóa tâm ý của họ nhằm làm cho tâm họ nhập đạo, vâng giữ năm điều lành, thuận theo lời dạy tu hành*”.

Ngài Tịnh Ảnh và ngài Gia Tường đều cho rằng “*ngũ thiện*” chính là Ngũ Giới. “*Phước đức*” là phước lợi đạt được bởi thiện hạnh. Gia Tường Sớ ghi: “*Hoạch kỳ phước đức (Đạt được phước đức) là nêu lên cả hai quả gần và xa để thành cái hạnh*”.

“*Quả gần*” là như Tịnh Ảnh Sớ bảo: “*Do trì Ngũ Giới nên trong đời hiện tại thân yên ổn không khổ*”.

“*Quả xa*” là được sanh về Cực Lạc, quyết định chứng Niết Bàn như Tịnh Ảnh Sớ bảo: “*Đời sau gặp Di Đà, rốt cuộc chứng Niết Bàn*”. Đời này an lạc, thân sau vãng sanh nên bảo là “*hoạch kỳ phước đức*”.

### **Chánh kinh:**

其一者，世間諸眾生類，欲為眾惡。強者伏弱，轉相尅賊，殘害殺傷，迭相吞噉，不知為善，後受殃罰。故有窮乞、孤獨、聾盲、瘖瘂、痴惡、尪狂，皆因前世不信道德，不肯為善。其有尊貴、豪富、賢明、長者、智勇、才達，皆由宿世慈孝，修善積德所致。世間有此目前現事，壽終之後，入其幽冥。轉生受身，改形易道。故有泥犁、禽獸、蜎飛蠕動之屬。譬

如世法牢獄，劇苦極刑，魂神命精，隨罪趣向。所受壽命，或長或短，相從共生，更相報償。殃惡未盡，終不得離。輾轉其中，累劫難出。難得解脫，痛不可言。天地之間，自然有是。雖不即時暴應善惡會當歸之。

*Kỳ nhất giả, thế gian chư chúng sanh loại, dục vì chúng ác, cường giả phục nhược, chuyển tương khắc tặc, tàn hại sát thương, diệt tương thôn đạm, bất tri vi thiện, hậu thọ ương phạt. Cố hữu cùng khát, cô độc, lung manh, ám á, si ác, uông cuồng, giai nhân tiền thế bất tín đạo đức, bất khăng vi thiện. Kỳ hữu tôn quý, hào phú, hiền minh, trưởng giả, trí dũng, tài đạt, giai do túc thế từ hiếu, tu thiện tích đức sở trí. Thế gian hữu thử mục tiền hiện sự, thọ chung chi hậu, nhập kỳ u minh, chuyển sanh thọ thân, cải hình dịch đạo. Cố hữu Nê Lê, cầm thú, quyền phi nhuyển động chi thuộc. Thí như thế pháp lao ngục, kịch khổ cực hình, hồn thân mạng tinh, tùy tội thú hướng, sở thọ thọ mạng, hoặc trường, hoặc đoản, tương tòng cộng sanh, cánh tương báo thường. Ương ác vị tận, chung bất đắc lý, triển chuyển kỳ trung, lũy kiếp nan xuất, nan đắc giải thoát, thống bất khả ngôn. Thiên địa chi gian, tự nhiên hữu thị. Tuy bất tức thời bạo ứng, thiện ác hội đương quy chi.*

Thứ nhất là các loài chúng sanh trong thế gian muốn làm các điều ác: Kẻ mạnh hiếp yếu, chế ngự, giết chóc lẫn nhau, tàn hại, sát thương, ăn nuốt lẫn nhau, chẳng biết làm lành, sau chịu ương phạt. Bởi thế có kẻ nghèo cùng, ăn mày, cô độc, điếc, mù, câm, ngọng, si ác, dặt dẹo, cuồng dại; đều là do đời trước chẳng tin đạo đức, chẳng chịu làm lành. Những kẻ tôn quý, giàu sang, hiền minh, trưởng giả, trí huệ mạnh mẽ, tài năng thông đạt đều là do đời trước từ hiếu, tu thiện, tích đức cảm thành. Thế gian có những chuyện sờ sờ trước mắt như thế. Sau khi hết tuổi thọ, vào chôn u minh, chuyển sanh thọ thân, thay hình đổi nẻo nên mới có Nê Lê, cầm thú, các loài ngọ nguậy, bay bổng, bò, trườn. Ví như chôn tù ngục theo pháp luật thế gian, cực hình thật khổ. Hồn thân, mạng tinh theo tội mà hướng về, chịu lấy thọ mạng hoặc dài hay ngắn, theo nhau cùng sanh để báo đền lẫn nhau. Ương họa, sự ác chưa hết, trọn chẳng thể thoát nổi. Xoay vần trong ấy bao kiếp khó ra, khó được giải thoát, đau đớn không thể nói nổi! Trong vòng trời đất, tự nhiên có như thế, tuy chẳng báo ứng rầm rộ ngay lập tức, mà thiện ác rồi sẽ quy kết cả.

## Giải:

Trong những điều ác, trước hết, Phật dạy về cái ác sát sanh. Thái Hiền nói: “*Điều thế gian sợ hãi nhất là chết, điều tổn hại người khác nhất là đoạt mạng*”. Cái người ta sợ nhất là chết, cái người ta quý nhất là mạng. Bởi đó, sát hại mạng kẻ khác là điều ác lớn nhất. Chẳng phải chỉ mình Phật giáo mà các tôn giáo khác cũng cấm giết người.

Đầu tiên, kinh văn nói đến sự ác giết chóc. Kinh chép: “*Cường giả phục nhược, chuyển tương khắc tặc, tàn hại sát thương, diệt tương thôn đạ*m” (Kẻ mạnh hiếp yếu, chế ngự, giết chóc lẫn nhau, tàn hại, sát thương, ăn nuốt lẫn nhau). “*Phục*” (伏) là hàng phục. Chữ “*khắc*” (尅) giống với chữ Khắc (剋) nghĩa là khắc chế, giết chóc (theo Trung Hoa Đại Từ Điển). Sách Hội Sớ giảng: “*Cường giả phục nhược: Kẻ giết chóc là ‘cường giả’, kẻ bị giết là ‘nhược’. Người hay thú cũng thế. ‘Chuyển tương khắc tặc’: Khắc là chế ngự, đánh thắng, sát hại, Tặc là tàn hại, như chim sẻ nuốt bọ ngựa, người lại giết chim nên bảo là Chuyển Tương*”. Ngài Cảnh Hưng lại bảo: “*Khắc là giết, Tặc là hại*”.

“*Tàn hại*” là hung tàn, làm thương tổn. “*Sát thương*” là giết cho chết hay làm cho thân kẻ khác bị thương tích. Rắn nuốt cóc, cóc lại ăn giun đất, nên bảo là “*diệt tương thôn đạ*m” (ăn nuốt lẫn nhau). Những câu trên đây đều nói đến điều ác sát sanh.

Cả đoạn kinh từ “*bất tri vi thiện*” (chẳng biết làm lành) cho đến “*bất khăng vi thiện*” (chẳng chịu làm lành) đều nói lên lỗi hại của việc tạo ác. Đã làm đủ mọi điều ác lại còn sát hại sanh mạng nên phải chịu quả báo “*cùng, khát... uông cuồng*” (nghèo nàn, ăn xin... dặt dẹo, cuồng dại). “*Cùng*” (窮) là nghèo túng, “*khát*” (乞) là kẻ ăn mày xin cơm sống qua ngày. Sách Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa giảng chữ “*cô độc*” như sau: “*Không cha là Cô (孤), không con là Độc (獨)*”. Ngài Cảnh Hưng nói: “*Cô là không cha mẹ, Độc là không con cái*”.

“*Lung*” (聾) là tai không nghe được tiếng; “*manh*” (盲) là mắt chẳng thấy được. “*Ám*” (瘖) là miệng chẳng phát ra tiếng được ( câm), “*đ*” (瘖) là tuy phát ra tiếng, nhưng lưỡi chẳng động nên chẳng thể nói ra tiếng được. “*Si*” (癡) là ngu si, si ngốc. “*Ác*” (惡) là hung ác chẳng lành. “*Uông*” (兇) là yếu đuối, tật nguyên, quắt queo. “*Cuồng*” (狂) là điên khùng. Đây đều là những “*wong phạt*” do “*bất tín đạo đức, bất khăng vi thiện*” (chẳng tin đạo đức, chẳng chịu làm lành). “*Uông*” (殃) là tai họa, “*phạt*” (罰) là tội lệ.

Tiếp đó, kinh nói những điều như giàu sang, trí huệ nhảy bén... để biểu thị những điều đạt được do làm lành nhằm càng làm rõ thêm những tổn thất do ác nghiệp gây ra.

“*Tôn quý, hào phú*” là người phú quý trong thế gian. “*Hiền minh, trí dũng, tài đạt*” là bậc hiền trí trong loài người. Chữ “*trưởng giả*” là tiếng gọi chung để chỉ bậc đủ cả hai thứ tài sản và đức hạnh. “*Trưởng giả*” cũng là tiếng để gọi bậc cao tuổi giàu có. Người hiền trí, phú quý trong đời đều do trong đời quá khứ từng từ ái, tận hiếu “*tu thiện, tích đức*” nên đạt được như thế.

Trên đây, kinh đã nói đến nhân quả chẳng hư dối, là những điều thế gian có thể thấy được.

Những thứ ương phạt như “*cùng, khát*” (nghèo cùng, ăn mày) cho đến “*uông, cuồng*” (quặt quẹo, cuồng dại) là những loại dễ thấy trong đời, nhưng mấy ai biết rằng “*thọ chung chi hậu*” (sau khi hết tuổi thọ), nỗi khổ sở còn nặng nề hơn nữa. Từ câu “*nhập kỳ u minh*” (vào chôn u minh) trở đi, kinh nói thẳng vào những tội khổ.

“*U minh*” còn thường gọi là “*minh đồ*” (冥途: con đường tăm tối), “*minh giới*” (冥界: cõi tối tăm) là danh từ chỉ chung cả ba đường ác, cũng là chữ để chỉ riêng quỷ giới và địa ngục; chẳng hạn như sách Hội Sớ ghi: “*U minh tức là minh đồ, suối vàng*”.

Câu “*chuyển sanh thọ thân, cải hình dịch đạo*” (thọ thân trong cuộc sống khác, đổi hình, thay nẻo) được sách Hội Sớ giảng: “*Thoát thân người, chịu thân quỷ, súc sanh v.v... nên bảo là ‘chuyển sanh thọ thân’. Chuyển biến trong tứ sanh nên bảo là ‘cải hình’. Sống chết trong sáu đường nên bảo là dịch đạo*”.

“*Tứ sanh*” là noãn, thai, thấp, hóa, chẳng hạn như: Bỏ thân chim sẽ để mang thân chó nên gọi là “*cải hình*”. Lại như bỏ thân người khoác thân chó, tức là từ nhân đạo chuyển sanh vào súc sanh đạo nên gọi là “*dịch đạo*” (thay đường). Chúng sanh xoay vần trong sáu đường. “*Nê Lê*” chính là địa ngục. “*Quyên phi*” những loài trùng biết bay, “*nhuyễn động*” loại trùng biết bò.

Ngài Gia Tường giảng câu: “*Thí như thế pháp lao ngục, kịch khổ cực hình*” (Ví như chôn lao ngục theo pháp luật thế gian cực hình rất khổ) như sau: “*Ví như phép vua là dẫn thí dụ để so sánh, trước là báo nhẹ, sau là khổ nặng, giống như pháp vua trị tội: Trước hết là công xiềng, sau hạ chỉ đem ra chợ giết đi. Trước là hiện báo, sau vào địa*

*ngục nên bảo là cực hình*”. Ý Ngài nói: Làm ác chịu báo, trước là thọ quả báo nhẹ trong hiện đời; thân sau lại chịu trọng báo giống như phép vua trừng trị tội phạm: Trước hết nhốt vào ngục, thân bị gông xiềng, chịu đựng các khổ lớn. Những điều ấy ví như chịu các khổ báo nơi thân hiện tại. Tội hậu mới dùng đến cực hình, giết mất sanh mạng. Chữ “*cực hình*” để ví cõi địa ngục. Nổi khổ trong địa ngục như lửa nung đốt thân. Lại sau khi chết đi, đọa vào tam đồ bèn có Nê Lê, cầm thú, côn trùng... Địa ngục khổ nhất nên gọi là “*cực hình*”.

Chữ “*hồn thân, mạng tinh*” trích theo bản Hán dịch, bản Ngụy dịch ghi là “*hồn thân tinh thức*” (魂神精識). Sách Vô Lượng Thọ Kinh Sao giảng: “*Có thuyết nói thức thứ sáu gọi là hồn thân, thức thứ tám gọi là tinh thức*”. Như vậy, ở đây chữ “*mạng tinh*” (命精) chỉ thức thứ tám, tức là A Lại Da thức. Do nó làm vị chủ nhân đi sau đến trước (khứ hậu, lai tiên, tác chủ nhân) nên gọi là “*mạng tinh*”. Thức thứ tám này dường như luôn tiếp nối. Lúc xả mạng, hễ chỗ nào nghiệp nặng hơn thì nó bị lôi vào đó nên bảo là “*tùy tội thú hướng*” (theo tội hướng về) tức là theo tội báo vào trong ác thú.

Nếu hãm vào ngục Vô Gian thì muôn kiếp khó ra nên bảo là “*[chịu lấy thọ mạng] hoặc dài*”; hoặc sanh làm loài vi khuẩn chết sống trong mỗi sát-na nên gọi là “*hoặc ngắn*”. Sách Hội Sớ nói: “*Như [sanh trong] tám đại địa ngục và loài quỷ trường thọ thì gọi là ‘hoặc trường’*. Như các loài thiêu thân, phù du v.v... thì là ‘hoặc đoản’”. Trong đó, vô lượng thọ mạng sai khác đều do túc nghiệp cảm vời. Trong đường lành, coi sống lâu là phước, nơi nẻo ác coi sống lâu là họa lớn.

“*Tương tòng cộng sanh, cánh tương báo thường*” (Theo nhau cùng sanh đê báo đền lẫn nhau) nghĩa là: Oan oan tương báo chẳng có cùng tận. Sách Hội Sớ nói: “*Những kẻ sát sanh đời đời cùng sanh ra cùng lúc với nhau, người này giết hại người kia để báo đền nỗi oán hận*”. Chẳng hạn như: Kẻ bị giết vì muốn đòi nợ mạng nên ắt theo đuổi kẻ oán đối, phải đồng thời xuất hiện trong thế gian thì mới mong báo oán nổi. Bởi thế, oan gia trái chủ “*tương tòng cộng sanh*”. Đời này người giết dê, tương lai người chết thành dê, dê chết thành người. Lại như mèo chết thành chuột, chuột chết thành mèo, đời đời cùng sanh với nhau, đoạt mạng để đền nợ nên kinh nói: “*Cánh tương báo thường*” (Báo đền lẫn nhau).

Lại do kẻ đòi nợ qua thật nhiều đời báo oán, lại kết thành kẻ oán, người thân nên chẳng biết lúc nào xong. “*Ưng ác vị tận, chung bất đắc*

ly” (Ương họa, điều ác chưa hết sẽ trọn chẳng thể thoát được): “Ương” (殃) là họa, là tội, là hình phạt. Những ương ác đã tạo chưa đền trả hết ắt sẽ xoay vần mãi trong đường ác chẳng có lúc ra, đau đớn không thể nói nổi.

Ngài Nghĩ Tịch giảng câu “*tự nhiên hữu thị*” (tự nhiên có những điều ấy) như sau: “*Làm ác, dẫu chẳng muốn chịu quả khổ, quả khổ vẫn tự đến. Tu thiện, dẫu chẳng mong cầu quả vui, quả vui vẫn tự đến, khác nào như bóng theo hình, như tiếng vọng theo âm thanh. Nhưng kinh đây bảo là ‘tự nhiên’ nhằm ý nói nhân quả là pháp quyết định như thế đó*”.

Sách Hội Sớ cũng nói: “*Nhân quả ắt ứng nghiệm nên bảo là tự nhiên*”.

“*Bạo*” (暴) là mạnh gấp, đột nhiên, chữ “*ứng*” (應) là báo ứng. Người lành làm lành, kẻ ác làm ác, ắt chịu quả báo, nhưng quả báo hoặc là chẳng ứng hiện ngay lập tức trong hiện tại nhưng nhân quả chẳng dối, ắt trong đời sau sẽ phải chịu khổ báo nên kinh dạy: “*Thiện ác hội đương quy chi*” (Thiện ác rồi sẽ quy kết cả).

### **Chánh kinh:**

其二者，世間人民不順法度。奢婬驕縱，任心自恣。居上不明，在位不正。陷人冤枉，損害忠良。心口各異，機偽多端。尊卑中外，更相欺誑。瞋恚愚痴，欲自厚己，欲貪多有。利害勝負，結忿成讐。破家亡身，不顧前後。富有慳惜，不肯施與。愛保貪重，心勞身苦。如是至竟，無一隨者。善惡禍福，追命所生。或在樂處，或入苦毒。又或見善憎謗，不思慕及。常懷盜心，悵望他利。用自供給，消散復取。神明尅識，終入惡道。自有三途無量苦惱，輾轉其中，累劫難出，痛不可言。

*Kỳ nhị giả, thế gian nhân dân bất thuận pháp độ, xa dâm kiêu túng, nhậm tâm tự tứ. Cư thượng bất minh, tại vị bất chánh, hãm nhân oan uổng, tổn hại trung lương. Tâm khẩu các dị, cơ ngụy đa đoan, tôn ty trung ngoại, cánh tương khi cuồng. Sân khuể ngu si, dục tự hậu kỹ, dục tham đa hữu. Lợi hại thắng phụ, kết phần thành thù.*

*Phá gia vong thân, bất cố tiền hậu. Phú hữu xan tích, bất khảng thí dữ. Ai bảo tham trọng, tâm lao thân khổ. Như thị chí cánh, vô nhất tùy giả. Thiện ác họa phước, truy mạng sở sanh. Hoặc tại lạc xứ, hoặc nhập khổ độc. Hựu hoặc kiến thiện tăng báng, bất tư mộ cấp. Thường hoài đạo tâm, hy vọng tha lợi. Dụng tự cung cấp, tiêu tán phục thủ. Thần minh khắc thức, chung nhập ác đạo. Tự hữu tam đồ vô lượng khổ não, triển chuyển kỳ trung, lũy kiếp nan xuất, thống bất khả ngôn.*

Thứ hai là nhân dân trong thế gian chẳng thuận pháp độ, xa xỉ, dâm dật, kiêu căng, phóng túng, mặc tình thỏa ý. Kẻ trên bất minh, kẻ có địa vị bất chánh, hãm người oan uổng, tổn hại trung lương. Lòng và miệng khác nhau, mưu mẹo, trá ngụy đa đoan; lừa dối hết cả tôn, ty, trong ngoài. Nóng giận, ngu si, ham hậu đãi mình, tham muốn có nhiều. Lợi - hại, thắng - bại, kết phần thành thù, tan nhà mất mạng, chẳng quản trước sau. Giàu có thì keo kiệt, chẳng chịu cho ra, càng thích giữ rịt, càng tham nặng hơn. Tâm nhọc thân khổ cho đến khi chết đi, không đem theo được gì! Thiện, ác, họa, phước theo mạng mà sanh: hoặc ở chỗ vui, hoặc vào nơi khổ độc. Lại hoặc là thấy người lành thì ghét gièm, chẳng khởi lòng hâm mộ, mong mỗi được báng. Thường ôm lòng trộm cắp, mong mỗi hưởng cái lợi của người khác để cung cấp cho mình. [Của cải ấy rồi lại] tiêu tán, lại bị [kẻ khác] lấy mất. Thần minh ghi biết. Rót cuộc vào trong ác đạo, tự có tam đồ vô lượng khổ não, xoay vần trong đó bao kiếp khó ra, đau đớn chẳng thể nói nổi.

### Giải:

Điều thứ hai là tội ác trộm cắp. Đối với vật có chủ, dù ít hay nhiều, nếu chẳng cho mà lấy thì đều là trộm cắp. Hạnh trộm cắp vốn bắt nguồn từ tam độc. Tham dục, keo kiệt thì dễ sanh tâm trộm cắp. Các ác hỗ trợ nhau thành ra tội trộm cắp.

Từ chữ “*bất thuận pháp độ*” đến “*bất cố tiền hậu*” (chẳng quản trước sau), kinh nói đến tội lỗi trộm cắp.

Trong câu “*bất thuận pháp độ*” (chẳng tuân theo pháp độ), “*pháp*” (法) là khuôn phép, pháp tắc, “*độ*” (度) là quy củ, những quy định thông thường. “*Xa*” (奢) là xa xỉ, “*dâm*” (淫) là như sách Đẳng Bất Đẳng Quán Tạp Lục giảng: “*Trong kinh, đa phần là chữ Dâm có liên quan đến người nữ. Chữ Dâm chuyên chỉ việc trai gái*”. Hành dâm không chừng mực nên bảo là “*xa dâm*”. “*Kiêu*” (驕) là kiêu căng, hợm



hĩnh, khinh người; “túng” (縱) là phóng túng. “*Tự tứ*”: “Tứ” (恣) là buông lung. Nam nữ ở chung chẳng tuân theo lễ nghĩa, tình dục phóng túng, chỉ cốt khoái ý, chẳng sợ tội lệ, nên bảo là “*nhậm tâm tự tứ*” (mặc tình thỏa ý).

Câu “*cư thượng bất minh, tại vị bất chánh*” (kẻ trên bất minh, người có địa vị bất chánh), ý nói: Kẻ có địa vị lợi dụng quyền thế lươn lẹo, chiếm đoạt, vơ vét, tổn người lợi mình, hại nước, hại dân... tạo đủ các thứ ác nghiệp. Gia Tường Sớ nói: “*Quan Tể Tướng dung túng thuộc hạ bắt muôn dân đứt lốt, đoạt ngang của người*”. Đây là “*cư thượng bất minh*”.

Ăn hối lộ đã thuộc về hạnh trộm cắp, hưởng hô là còn “*hãm nhân oan uổng, tổn hại trung lương*” (hãm hại người khác một cách oan uổng, tổn hại trung lương). “*Hãm*” (陷) là vu hãm, hãm hại. “*Oan*” (冤) là oan khuất. “*Uổng*” (枉) là tà vạy. “*Trung*” (忠) là làm việc thận trọng, hạnh ngay thẳng, vì việc công quên việc tư. “*Luong*” (良) là hiền lành. Kẻ ác như thế ganh ghét người hiền, hãm hại người trung lương. Kẻ đó ắt lời nói xảo ngụy chẳng trung, a dua cầu lợi, phỉ báng người lương thiện, vu tội cho người, tâm khẩu bất nhất, nên kinh bảo: “*Tâm khẩu các dị, cơ ngụy đa đoan*” (Lòng, miệng khác nhau, mưu mẹo, xảo ngụy đa đoan). Ngài Nghĩa Tịch bảo: “*Cơ* (機) là huyễn hoặc, ngụy (僞) là dối trá”. Ngài Cảnh Hưng nói: “*Cơ* là mưu mô, tức là khéo nói cho đẹp lòng nhằm lung lạc ý vua để làm chuyện mưu mô gian dối”. “*Cơ*” còn có nghĩa là tâm mưu mô, “*ngụy*” là gian dối. Lọc lừa, dối trá có nhiều thứ như thế nên bảo là “*cơ ngụy đa đoan*”.

Kẻ ác như thế đâu cần biết đến tôn ty, thượng, hạ, nội, ngoại, thân, sơ; đối với ai nó cũng đều dối trá, lừa lọc cả nên mới bảo: “*Tôn ty trung ngoại, cánh tương khi cuống*” (Lừa dối hết cả tôn, ty, trong, ngoài).

“*Sân khuể ngu si, dục tự hậu kỳ*” (Nóng giận, ngu si, ham hậu đãi chính mình): Hai độc Sân và Si khiến cho tâm tham càng thêm tăng trưởng. Sách Hội Sớ viết: “*Ba ác hỗ trợ nhau khiến tà dục lừng lẫy, ham hố tài vật của người khác chỉ muốn tom góp về cho mình nên bảo là ‘dục tự hậu kỳ’*”.

“*Dục*” (欲) là tham dục, tham ác. Kinh Duy Ma dạy: “*Thân thực vi bản, dục tham vi bản*” (Gì là gốc của cái thân? Dục tham là gốc). Sách Hội Sớ lại nói: “*Biển dục sâu rộng chẳng biết chán đủ. Dầu tôn*

*quý hay thấp hèn, giàu nghèo hay giàu, không ai lại chẳng mong tom góp, chộn rộn, bôn ba, nên gọi là tham dục”.*

Muôn chiếm hữu nhiều nên bảo là “*dục tham đa hữu*” (tham muốn có cho nhiều). Do tranh nhau lợi hại, tổn người ích mình nên bảo là “*lợi hại, thắng phụ*” (lợi hại, thắng bại).

Bởi thế “*kết phần thành thù*”. “*Thù*” (讐) là căm hận, thậm chí nhà tan, mạng mất, chẳng nề hà gì hết nên kinh bảo: “*Phá gia vong thân, bất cố tiền hậu*” (Tan nhà, mất mạng, chẳng quản trước sau).

“*Tiền hậu*” chính là nhân trước, quả sau. Sách Hội Sớ lại giảng: “*Trước chẳng nề hà là đúng hay sai; sau chẳng quan tâm lời chê trách. Cũng nghĩa là trước đã chẳng hề xem xét tường tận, suy nghĩ cẩn thận; sau cũng chẳng ngại quý thân ngầm ghi chép. Hoặc cũng có thể hiểu là trước chẳng quan tâm đến tội nghiệp, sau chẳng tính đến quả báo trong tương lai*”. Chỉ mong tranh thắng, chẳng sợ “*lưỡng bại câu thương*” (cả hai cùng thua thiệt, tổn thương). Chỉ cốt khoái ý, chẳng sợ tội báo đời tương lai. Chẳng quản ngại hết thảy, cứ tạo đủ các chuyện ác.

Từ câu “*phú hữu xan tích*” (tuy giàu có nhưng keo kiệt) trở đi, kinh nói đến cái tội keo kiệt. Dầu là kẻ giàu có nhưng keo kiệt đã thành tánh nên “*bất khăng thí dữ*” (chẳng chịu cho ra). “*Thí dữ*” (施與) là bố thí. Chẳng chịu đem tài vật thí cho người khác chính là do ái dục kiên cố nên bảo là “*ái bảo tham trọng*” (yêu quý, giữ rịt). Tâm tham sâu nặng nên bảo là “*tham trọng*” (tham lam nặng nề).

“*Tâm lao, thân khổ, như thị chí cánh*” (Tâm nhọc thân khổ cho đến khi chết) là trọn đời khổ sở, nhọc nhằn; cho đến khi chết đi rồi cũng chỉ là một mình mình đến, một mình mình đi “*vô nhất tùy giả*” (chẳng mang theo được gì). Gia Tường Sớ giảng: “*Vô nhất tùy giả là chỉ mình thân thức ra đi, của cải bỏ lại cõi trần*”, nghĩa là: Mọi thứ đều chẳng theo đi, chỉ có mỗi cái nghiệp tùy thân.

Những nghiệp thiện ác đã tạo lúc sống và cái quả phước hay họa do nghiệp cảm thành chẳng hề lìa bỏ mình nên bảo là “*truy mạng sở sanh*” (theo mạng mà sanh). Ngài Nghĩa Tịch bảo: “*Nghĩa là cái nhân thiện ác và cái quả họa phước đều đi theo mạng căn đến chỗ mình sẽ được sanh về*”. “*Truy*” (追) là đi theo, theo đuổi. Bởi thế nên đời sau “*hoặc tại lạc xứ, hoặc nhập khổ đạo*” (hoặc ở chỗ vui, hoặc vào nơi khổ đạo). “*Lạc xứ*” là ba đường lành; “*khổ đạo*” là ba ác đạo. “*Khổ*” (苦) là

đau khổ, “độc” (毒) là độc họa. Đau khổ cùng cực nên bảo là “khổ độc”.

Tiếp đó, Phật nói đến cái tội trộm cắp. “*Kiến thiện tăng báng, bất tu mộ cắp*” (Thấy người lành thì ghét gièm, chẳng khởi lòng hâm mộ, mong được bâng). “*Tăng*” (憎) là ghét bỏ, “*báng*” (謗) là phỉ báng. Thấy điều lành của người chẳng những tâm không kính mộ; trái lại còn sanh tâm ghét bỏ, đơm đặt, phỉ báng. Hạng người như vậy chẳng có thiện niệm lẫn thiện hạnh, trong bụng toàn ôm ấp ý nghĩ xâm đoạt.

Chữ “*希望*” chính là hy vọng; chỉ nghĩ cách tôn người lợi mình nên kinh nói: “*Hy vọng tha lợi dụng tự cung cấp*” (Mong mỗi hưởng cái lợi của người khác để cung cấp cho mình).

Của bất nghĩa dễ dàng đạt được nên cứ mặc tình tiêu xài hoang đàng cho nên nhanh chóng “*tiêu tán*”, lại bị kẻ khác cướp đoạt mất nên bảo là “*tiêu tán, phục thủ*” (tiêu tán, lại bị lấy mất). Bởi vậy, “*thần minh khắc thức, chung nhập ác đạo*” (thần minh ghi biết, rớt cuộc vào trong ác đạo).

“*Thần minh*” là như bản kinh Hoa Nghiêm dịch vào đời Tấn đã nói: “*Như nhân tùng sanh, hữu nhị chủng thiên, thường tùy thị vệ, nhất viết Đồng Sanh, nhị viết Đồng Danh. Thiên thường kiến nhân, nhân bất kiến thiên*” (Người ta sanh ra, có hai vị trời thường theo sát hai bên. Một vị tên là Đồng Sanh, vị kia tên là Đồng Danh. Hai vị trời ấy thường thấy người đó nhưng người đó chẳng thấy được trời). Hai vị thần như thế sanh chung với người nên gọi là “*Câu Sanh Thần*”. Kinh Dược Sư dạy: “*Hữu Câu Sanh Thần, cụ thư tội phước, dĩ Diêm La Vương*” (Có thần Câu Sanh chép đủ tội phước trao cho vua Diêm La).

Sách Gia Tường Sớ cũng viết: “*Hết thấy chúng sanh đều có thần: Một tên là Đồng Sanh, hai tên là Đồng Danh. Đồng Sanh Nữ ở bên vai phải chép điều ác đã tạo. Đồng Danh Nam ở bên vai trái chép điều thiện đã làm*”.

Kinh Ngũ Giới cũng dạy: “*Tam phú, bát giáo, nhất nguyệt lục tấu*” (Ba lần bằm, tám lần trình, một tháng sáu lần tâu lên).

“*Tam phú*” là tháng Giêng, tháng Năm, tháng Chín. “*Bát giáo*” là tám ngày: Lập Xuân, Lập Hạ, Lập Thu, Lập Đông, Xuân Phân, Thu Phân, Hạ Chí, Đông Chí. “*Lục tấu*” là sáu ngày ăn chay: mùng Tám, Mười Bốn, Rằm, Hai Mươi Ba, Hai Mươi Chín, Ba Mươi. Nghĩa là: Trong một năm, có ba tháng trình bằm báo lên trên, có tám ngày báo cáo

lên trên (“giáo” (校) là bầm cáo). Trong một tháng có sáu ngày tâu rõ. Căn cứ vào kinh Ngũ Giới, ngài Vọng Tây bảo: “*Trong những ngày như thế, thiên thần ghi chép điều thiện ác của chúng sanh*”, ý nói: Những điều được thần minh bầm báo đều là những điều thiện ác.

“*Khắc thức*”: “*Khắc*” (尅) là ghi khắc, chữ “*thức*” (識) có nhiều cách giải thích:

1. Một là theo như các sách Gia Tường Sớ, Tịnh Ảnh Sớ... thì “*thức*” là ghi chép. Sách Hội Sớ nói: “*Trong chốn u huyền có thiên thần ghi chép từng điều, không sai một mảy nên bảo là ‘khắc thức’. Chữ Thức đọc cùng âm với chữ Chí (theo âm Quan Thoại), có nghĩa là ghi chép*”. Thuyết này giống với thuyết của ngài Gia Tường: Có thần minh ghi chép điều thiện ác của mỗi người nên báo ứng chẳng trật.

2. Chữ Thức ở đây chính là thức thứ tám. Chẳng hạn như ngài Cảnh Hưng bảo: “*Do công năng chẳng quên của chủng tử thức nên gọi là khắc thức*”.

Ngài Nghĩa Tịch và ngài Vọng Tây cùng chấp nhận cả hai cách giải thích này. Ngài Nghĩa Tịch nói: “*Điều thiện ác đã làm chẳng những huân tập trong cái thức của mình mà còn được thiên thần ở ngoài ghi chép. Ghi ở cả hai nơi thì sai chạy nổi hay sao?*”. “*Hai nơi*” là nội thức và thần minh bên ngoài.

Trong các thuyết trên, thuyết của ngài Nghĩa Tịch ổn thỏa nhất bởi Duy Thức nào trở ngại việc thần minh ghi chép; thần minh ghi chép cũng nào trở ngại “*duy thức sở hiện*”. Bởi đó, thuyết “*trong ngoài cùng ghi*” là thích hợp nhất.

Do tội báo theo mãi nên xoay vần trong tam đồ “*lũy kiếp nan xuất, thống bất khả ngôn*” (bao kiếp khó ra, đau đớn chẳng nói nổi). “*Lũy kiếp*” là nhiều kiếp.

### **Chánh kinh:**

其三者，世間人民相因寄生，壽命幾何。不良之人，身心不正。常懷邪惡，常念婬嫉。煩滿胸中，邪態外逸。費損家財，事為非法。所當求者，而不肯為。又或交結聚會，興兵相伐。攻劫殺戮，強奪迫脅。歸給妻子，極身作樂。眾共憎厭，患而

苦之。如是之惡，著於人鬼。神明記識，自入三途。無量苦惱，輾轉其中。累劫難出，痛不可言。

*Kỳ tam giả, thể gian nhân dân tương nhân ký sinh, thọ mạng ký hà? Bất lương chi nhân, thân tâm bất chánh. Thường hoài tà ác, thường niệm dâm dật, phiền mãn hung trung, tà thái ngoại dật. Phí tổn gia tài, sự vi phi pháp. Sở đương cầu giả, nhi bất khảng vi. Hựu hoặc giao kết tụ hội, hung binh tương phạt. Công kiếp sát lục, cưỡng đoạt bách hiếp, quy cấp thê tử, cực thân tác lạc. Chúng cộng tăng yếm, hoạn nhi khổ chi. Như thị chi ác, trước u nhân quý, thân minh ký thức, tự nhập tam đồ. Vô lượng khổ não, triển chuyển kỳ trung. Lũy kiếp nan xuất, thống bất khả ngôn.*

Thứ ba là nhân dân trong thế gian nương theo các nhân mà sanh, thọ mạng được mấy? Kẻ bất lương thân tâm bất chánh, thường ôm lòng tà ác, thường nghĩ chuyện dâm dật, phiền đầy ắp bụng, phong thái tà vạy, vẻ ngoài lừa dối. Tốn phí của nhà làm điều phi pháp. Việc đáng nên cầu thì chẳng chịu làm; lại còn kết giao, tụ hội, dấy binh đánh nhau, công hãm, cướp đoạt, giết chóc, đâm chém, cưỡng đoạt, bức hiếp để đem về cung phụng vợ con, coi cực thân là vui. Mọi người ghét bỏ, gặp tai nạn mới khổ. [Do] những điều ác như thế [nên] mắc vòng [trùng phạt] của người [lấn] quý. Thần minh ghi biết, tự vào tam đồ, vô lượng khổ não. Xoay vần trong ấy, bao kiếp khó ra, đau đớn chẳng thể nói nổi!

### Giải:

Thứ ba là nói về sự dâm ác và do cái nhân dâm ác dẫn khởi những cái ác: tham, sân, si...

“*Tương nhân ký sanh*” (Nương theo các nhân mà sanh): Ký (寄) là nhờ vào, phụ thuộc vào. Cả câu này ý nói: Chúng sanh do các nghiệp nhân hợp lại mà sanh ra trong thế gian này. Sách Hội Sớ nói: “*Thế giới an lập: Chỉ mình Dương thì chẳng thành, riêng Âm thì cũng chẳng lập. Chồng vợ là do nhân tạo thành. Lại cha con cũng do nhân tạo thành; vua tôi giúp nhau. Phạm trong vòng trời đất, đâu có nghĩa độc lập, nên bảo là ‘tương nhân ký sanh’.*”

Ấy là vì chúng sanh đều có Cộng Nghiệp và Biệt Nghiệp. Do người này, kẻ kia cùng có chung nghiệp báo nên sanh ra cùng một thời kỳ trong cùng một thế giới. Lại do biệt nghiệp của mỗi người đều khác, mỗi người đều có cái duyên túc nghiệp sai khác nên hoặc làm quyền

thuộc, hoặc trở thành cừ địch, cùng sanh trong đời để đền ân báo oán nên bảo là “*trương nhân ký sanh*”.

“*Thọ mạng kỳ hà*” (Thọ mạng được mấy?): Trăm năm ngắn ngủi như chốc lát, vô thường vùn vụt. Mạng người trong hơi thở, nháy mắt liền hết; nhưng thế nhân điên đảo, chẳng biết khổ, không, vô thường, chỉ cầu cái vui huyễn vọng như con thiêu thân đâm đầu vào lửa tự đốt thân mình.

Bởi thế, “*bất lương chi nhân, thân tâm bất chánh, thường hoài tà ác, thường niệm dâm dật*” (kẻ bất lương thân tâm bất chánh, thường ôm lòng tà ác, thường nghĩ chuyện dâm dật). “*Tà*” (邪) là tà vạy, bất chánh. “*Ác*” (惡) là ác độc, bất thiện. Chử Sách Hội Sớ nói: “*Tà là tà vạy, ác là tội ác*”. Chử “*dật*” (妲) trong từ ngữ “*dâm dật*” (姪 妲) có âm đọc là Dật, có nghĩa giống như chử Tích (娣), đều có nghĩa là dâm dục, phóng túng (theo Trung Hoa Đại Tự Điển). “*Dâm*” (姪) là phóng đảng, tham sắc, chẳng kể lễ nghĩa. Dâm chính là một trong mười điều ác. Dâm là gông cùm trói buộc chúng sanh. Dâm là cội nguồn tội lỗi sanh ra các nạn. Hết thấy chúng sanh đều do dâm dục mà bị sanh tử nên bảo là: “*Căn bản của sanh tử thì dục là bậc nhất*”.

Các kinh luận được dẫn chứng dưới đây đều nói lên cái hại của dâm dục.

Luật Di Sa Tắc nói: “*Tại gia ngũ giới, duy chế tà dâm. Xuất gia thập giới, toàn đoạn dâm dục. Dẫn can phạm thế gian nhất thiết nam nữ, tất danh phá giới. Nãi chí thế nhân nhân dục, sát thân vong gia! Xuất tục vi Tăng, khởi đắc cánh phạm? Sanh tử căn bản, dục vi đệ nhất. Cổ kinh vân: Dâm dật nhi sanh, bất như trinh khiết nhi tử*” (Trong năm giới của kẻ tại gia, chỉ cấm tà dâm. Mười giới xuất gia đoạn hẳn dâm dục. Chỉ cần phạm vào hết thấy chuyện trai gái trong đời đều gọi là phá giới. Thậm chí, hết thấy người đời do dục mà mất mạng tan nhà. Bỏ tục làm Tăng, lẽ đâu vẫn phạm? Căn bản của sanh tử thì dục là bậc nhất. Vì thế, kinh dạy: “*Sống dâm dục chẳng bằng chết trinh khiết*”).

Sách Vô Lượng Thọ Kinh Sao cũng nói: “*Dâm dục chính là cội nguồn lưu chuyển sanh tử, là nhân duyên khiến xa lìa giải thoát, như bậc đại hiền bảo: ‘Trong lao ngục sanh tử, dâm làm gông cùm trói chặt hữu tình, là nạn khó thoát’. Lại như Trí Độ Luận chép: ‘Dâm dục tuy chẳng nã hại chúng sanh nhưng vì nó trói buộc chúng sanh nên coi là đại tội’. Luận Du Già nói: ‘Trong các thứ ái, dục là nặng nhất. Nếu đối*

trị được nó, tự nhiên điều phục được các thứ khác; như chế ngự được kẻ mạnh mẽ thì những kẻ yếu hơn tự khuất phục. Mà dục pháp này có đến ba tội lỗi: Khổ mà tưởng như vui; chút ít ngọt ngào nhưng lắm tai hại; bất tịnh mà tưởng như là tịnh”.

Sách còn viết thêm: “Lẽ đâu tham đắm sự vui trong sát-na để chịu đại khổ trong bao kiếp?”

Kinh Ha Dục (quở trách dục vọng) cũng dạy: “Nữ sắc giả, thế gian chi già tóa, phàm phu luyến trước, bất năng tự bạt. Nữ sắc giả, thế gian trọng hoạn, phàm phu nhân chi, chí tử bất miễn. Nữ sắc giả, thế gian chi suy họa, phàm phu tao chi, vô ách bất chí” (Nữ sắc là gông cùm trong thế gian. Phàm phu tham luyến chẳng thể dứt bỏ nổi. Nữ sắc là tai họa lớn trong thế gian bởi phàm phu do đây mà cho đến chết vẫn chẳng thể thoát nổi nữ sắc. Nữ sắc là suy họa của thế gian. Phàm phu gặp phải nó thì không tai nạn nào lại không xảy đến).

Sách Hội Sớ giảng câu “*phiền mãn hung trung*” (phiền đầy ắp bụng) như sau: “*Lửa dục nung nấu bên trong khiến cho bụng dạ nóng nảy, tâm cuồng loạn*”.

“*Tà thái, ngoại dật*” (phong thái tà vạy, vẻ ngoài lả lơi) là tánh cách dâm tà, phóng đãng, buông tuồng thể hiện rõ ra ngoài.

“*Phí tổn gia tài*” (Tốn phí của nhà): “*Phí*” là hao tổn, “*tổn*” là giảm.

“*Sự vi phi pháp*” (Làm điều phi pháp): Việc làm đều chẳng hợp với pháp luật, đạo đức, thậm chí vi phạm pháp luật.

“*Sở đương cầu giả, nhi bất khăng vi*” (Việc đáng nên cầu thì chẳng chịu làm) là chẳng cầu tự lập, chẳng chăm chú làm việc chánh đáng, chẳng cầu xuất ly, chẳng biết cầu phước, cầu huệ, cầu sanh Tịnh Độ.

Tịnh Ảnh Sớ giảng câu “*hựu hoặc kết giao, tụ hội*” như sau: “*Từ chữ ‘kết giao, tụ hội’ trở đi là nói về việc tạo lỗi ác. Vì dâm nên gây tạo những chuyện giết hại, trộm cắp... Đó là tội lỗi!*”. Đoạn kinh tiếp theo đó nêu rõ vì dâm nên con người tạo đủ các tội trộm cắp, giết hại...

“*Kết giao*” là câu kết, “*tụ hội*” là tụ tập bọn tà. “*Công kiếp sát lục*” (công hãm, cướp đoạt, giết chóc, đâm chém): Hễ dùng vật gì nhỏ, nhọn để đâm thì gọi là “*lục*”. Ở đây, chữ “*lục*” (戮) chỉ các thứ binh khí như thương, mâu v.v... để giết người.

Ngài Cảnh Hưng giảng chữ “*cưỡng đoạt*” là “*công nhiên cướp lấy*”. “*Bách hiếp*” là dùng oai lực để đe dọa, tức là cướp đoạt bằng oai thế. Đây là tội trộm cắp.

Làm đủ những việc trộm cắp, giết hại như thế chỉ nhằm “*quy cấp thê tử*” (đem về ban cho vợ con): Chỉ cốt vui lòng một người đàn bà nên dầu cực thân vẫn lấy làm vui. Ngài Vọng Tây giảng chữ “*cực thân*” như sau: “*Cực là mệt nhọc*”. Như vậy, “*cực thân*” là làm cái thân khổ nhọc, mỗi mệt .

“*Như thị chi ác, trước u nhân quý*” ([Do] những điều ác như thế nên mắc vòng [trùng phạt] của người [lấn] quý): “*Trước*” (著) là thấy rõ. Ngài Nghĩa Tịch giảng: “*Làm điều ác công khai thì bị vướng vào [sự trùng phạt] của người. Làm điều ác kín đáo thì bị vướng vào [sự trùng phạt] của quý*”.

Sách Hội Sớ cũng bảo: “*Người là nhân gian, quan quyền hình phạt. Quý là quý thân, quan cõi âm soi xét*”. Thần minh âm thầm ghi chép, chư thiên cũng ghi chép thì kẻ tạo ác mong chi thoát khỏi. Bởi thế, “*tự nhập tam đồ*”. “*Tự*” là tự nhiên, có nghĩa là quyết định.

### **Chánh kinh:**

其四者，世間人民不念修善。兩舌、惡口、妄言、綺語。憎嫉善人，敗壞賢明。不孝父母，輕慢師長。朋友無信，難得誠實。尊貴自大，謂己有道。橫行威勢，侵易於人。欲人畏敬，不自慚懼。難可降化，常懷驕慢。賴其前世，福德營護。今世為惡，福德盡滅。壽命終盡，諸惡繞歸。又其名籍，記在神明。殃咎牽引，無從捨離。但得前行，入於火鑊。身心摧碎，神形苦極。當斯之時，悔復何及。

***Kỳ tứ giả, thế gian nhân dân bất niệm tu thiện. Lương thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ý ngữ, tăng tật thiện nhân, bại hoại hiền minh. Bất hiếu phụ mẫu, khinh mạn sư trưởng, bằng hữu vô tín, nan đắc thành thật. Tôn quý tự đại, vị kỷ hữu đạo. Hoàn hành oai thế, xâm dịch u nhân. Dục nhân úy kính, bất tự tầm cụ. Nan khả hàng hóa, thường***



*hoài kiêu mạn, lại kỳ tiền thế, phước đức doanh hộ. Kim thể vi ác, phước đức tận diệt. Thọ mạng chung tận, chư ác nhiều quy. Hựu kỳ danh tịch, ký tại thân mình, vọng cứu khiến dẫn, vô từng xả ly, dẫn dắt tiền hành, nhập u hỏa hoạch. Thân tâm tội toái, thân hình khổ cực. Đương tư chi thời, hối phục hà cập?*

Thứ tư là nhân dân trong thế gian chẳng nghĩ tu thiện. Nói đôi chiều, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt, ganh ghét người lành, bại hoại bậc hiền minh. Chẳng hiếu với cha mẹ, khinh mạn sư trưởng. Vói bằng hữu chẳng giữ chữ tín, khó mà thành thật. Tự đại tôn quý, bảo là mình có đạo, hoành hành oai thế, xâm tổn người khác. Muốn người khác kính sợ mình, chẳng tự hổ thẹn, kiêng sợ, khó bề hàng phục, giáo hóa. Thường ôm lòng kiêu mạn, ý vào phước đức đời trước giữ gìn cho mình. Đời này làm ác, phước đức tận diệt. Thọ mạng hết rồi, các ác vây lấy. Tên tuổi người ấy lại được ghi nơi thân mình, vạ ương dẫn dắt, không cách nào bỏ lia được. Chỉ do việc làm trước kia mà vào trong vạc lửa, thân tâm tan nát, tinh thần, thân mình khổ cực. Ngay trong lúc ấy, dấu hối kịp chăng?

### Giải:

Thứ tư là tội vọng ngữ. Trí Độ Luận giảng về “vọng ngữ” như sau: “Vọng ngữ là tâm bất tịnh muốn dối gạt người. Che giấu sự thật, nói ra chuyện khác, tạo thành khẩu nghiệp. Đấy gọi là vọng ngữ”.

Sách Đại Thừa Nghĩa Chương cũng giảng: “Lời nói chẳng đúng sự thật nên gọi là Vọng. Nói ra điều sai vạy nên bảo là Vọng Ngữ”. Như vậy, mang lòng lừa dối, miệng thốt ra lời chẳng thật thì gọi là vọng ngữ.

Thêm nữa, miệng có bốn lỗi, tức là bốn điều ác nơi khẩu nghiệp trong Thập Ác là: Nói đôi chiều, ác khẩu, nói dối và nói thêu dệt. Tịnh Ảnh Sớ viết: “Bốn lỗi của miệng chẳng đúng với pháp, được gọi chung là Vọng Ngữ”. Nay kinh này giảng về năm sự ác nên dùng chữ “vọng ngữ” để gộp cả ba lỗi kia của khẩu nghiệp, tính thành một điều ác. Nhưng kinh này hàm ý răn dạy cả Thập Ác nên lại nêu ra cả ba điều ác nơi miệng; bởi thế, trong phần nói tóm lược, lại có phần giải thích rộng ra.

Chữ “*lưỡng thiệt*” (nói đôi chiều) được các nhà dịch kinh theo trường phái Tân Dịch dịch là “*ly gián ngữ*”. Tứ Phần Luật chép: “*Bỉ thử đầu loạn, linh tha phá dã*” (Người này, kẻ kia tranh chấp loạn xạ khiến người khác bị tổn hoại). Ngài Thiên Thai nói: “*Khích bác người này, kẻ kia, phá sự hòa hợp*”. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương lại giảng: “*Nói*

khiến bên này, bên kia trái nghịch nhau nên gọi là *Lưỡng*. Đều do cái lưỡi để nói với cả hai bên nên bảo là *Lưỡng Thiệt*". Nghĩa là khích động ly gián, hý lộng thị phi.

Chữ "*ác khẩu*" dịch theo lối tân dịch là "*thô ác ngữ*". Sách Pháp Giới Thứ Đệ viết: "*Dùng lời ác đồn ép kẻ khác khiến cho họ phải đau khổ thì gọi là Ác Khẩu*". Sách Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển thứ bảy cũng chép: "*Lời lẽ thô tháp thì gọi là Ác. Ác từ miệng sanh nên gọi là Ác Khẩu*". Như vậy, khiến người khác buồn, thốt ra lời thô ác khiến người khác đau khổ thì gọi là Ác Khẩu.

"*Vọng ngôn*" tức là vọng ngữ, dịch theo lối Tân dịch là "*hư cuồng ngữ*", xin xem lại lời giải thích ở phần trên. Vọng ngữ lại như kinh Phạm Võng đã bảo: "*Bất kiến ngôn kiến, kiến ngôn bất kiến*" (Chẳng thấy dám nói thấy, thấy nói chẳng thấy). Những lời lẽ nghịch tâm, chẳng thật ấy chính là Vọng Ngữ.

"*Ý ngữ*" (Nói thêu dệt), dịch theo lối Tân dịch là "*tạp uế ngữ*". Câu Xá Luận nói: "*Hết thấy các lời nói xuất phát từ cái tâm nhiễm tạp thì gọi là Tạp Uế Ngữ*". Đại Thừa Nghĩa Chương lại giảng: "*Tà ngôn bất chánh giống như là các sắc [pha trộn] bóng bảy*"<sup>92</sup>. Dùng thí dụ để đặt tên nên gọi là Ý Ngữ".

Sách Vô Lượng Thọ Kinh Tiên Chú cũng bảo: "*Ý Ngữ là hết thấy ngôn từ bất chánh, chứa đựng ý dâm. Khách tao nhân đời sau quen thói ưa ví von mỹ nhân như cỏ thơm. Phàm những thứ lời lẽ ấy xâm nhập vào chốn khuê các thì đều gọi là Ý Ngữ*".

Sách Thập Thiện Nghiệp Đạo Chương cũng nói: "*Ngôn từ diễn tả những điều nhiễm tạp thì gọi là Tạp Uế Ngữ. Nếu là những văn từ bóng bảy chẳng khiến tâm tạp nhiễm, ca ngợi thật đức thì chẳng gọi là lời bất thiện vậy*".

Ngài Vọng Tây nói: "*Đối với vọng ngữ này người đời thường thích phạm, chẳng đoái hoài quả báo mai sau. Như ngài Nam Sơn (tức Đạo Tuyên luật sư) nói: 'Đối với giới này người ta hay thích phạm. Ấy là bởi vọng nghiệp chất chứa sâu nặng, hạt giống [vọng nghiệp] trong tạng thức rất nhiều nên cứ gặp trần cảnh là liền phát động, tạo nên lời đối trá*".

---

<sup>92</sup> Ý (綺) vốn có nghĩa là những sợi tơ lụa nhiều màu đan xen chằng chịt, ngoắt ngoéo, tạo thành vẻ rực rỡ, bóng bảy.

Ngài còn nói: “*Hành Cơ Bồ Tát lại nói: - Con cạy lỗ miệng hại người, gươm lưỡi đoạt mạng. Nếu cái miệng giữ được như cái mũi thì chết đi chẳng lo tai vạ gì!*”. Người giữ được cái miệng im lặng như lỗ mũi thì mới khỏi sanh ra các họa hại.

Trí Độ Luận nói:

“*Như đức Phật đã nói, Vọng Ngữ có mười tội. Những gì là mười? Một là hơi miệng hôi thối; hai là thiện thân tránh xa, phi nhân được dịp làm hại; ba là tuy có nói thật người khác chẳng tin nhận; bốn là khi người trí bàn soạn thường chẳng tham dự được; năm là thường bị phỉ báng, tiếng xấu xa đồn khắp thiên hạ; sáu là người khác chẳng kính, tuy có dạy dỗ, ra lệnh người khác chẳng tuân theo; bảy là thường hay ưu sầu; tám là tạo thành nhân duyên của nghiệp phỉ báng; chín là khi thân hoại mạng chung sẽ đọa địa ngục; mười nếu được thoát ra [khỏi địa ngục] sanh làm người thường bị phỉ báng*”.

Ta thấy ác nghiệp vọng ngữ sanh ra lắm thứ ương họa như thế, chết đọa địa ngục, phải dè chừng chớ khinh thường!

“*Tăng tật thiện nhân*” (Ganh ghét người lành): “Tăng” (憎) là chán ghét, “tật” (嫉) là ganh tỵ. Đối với cả tám câu từ câu “*tăng tật thiện nhân*” cho đến câu “*tự đại tôn quý*”, các cổ đức có hai lối giải thích khác nhau:

1. Một là như ngài Gia Tường giảng: “*Tăng tật thiện nhân là ác khẩu. ‘Bại hoại hiền minh’ là vọng ngữ. ‘Bất hiếu song thân’ (bản Ngụy dịch chép là “nhị thân”) là kẻ tạo ác tạo nghịch. ‘Bằng hữu vô tín’ (Không giữ chữ tín đối với bạn bè) là bất trung, thành tội vọng ngữ bậc thượng. ‘Tự đại tôn quý’ thành ra ác khẩu. ‘Vị kỷ hữu đạo’ (bảo là mình có đạo) là nói đôi chiều*”.

2. Hai là theo ngài Vọng Tây thì “*tăng tật thiện nhân*” chính là tội lưỡng thiệt, “*bất hiếu song thân, khinh mạn sư trưởng*” là tội Ác Khẩu. “*Bằng hữu vô tín, nan đắc thành thật*” (Đối với bạn bè không giữ chữ tín, khó thể thành thật) chính là lỗi vọng ngữ. “*Tự đại tôn quý, vị kỷ hữu đạo*” chính là tội nói thêu dệt.

Hai thuyết hơi khác nhau, nhưng lời nói đã chẳng thành thật thì từ một khẩu nghiệp sẽ có đủ các tội lỗi, khó bề phân giải tường tận. Thêm nữa, “*vị kỷ hữu đạo*” là nếu mình chưa đắc thánh đạo mà bảo ta đã đắc thánh đạo là đã phạm đại vọng ngữ giới, sẽ phải chịu lấy tội báo nặng hơn các khẩu nghiệp khác.

“*Hoành hành oai thế, xâm dịch u nhân*” là hoành hành bá đạo, cậy thế khinh người. “*Dục nhân úy kính*” là muốn đại chúng coi mình như người cầm đầu, nghe theo lệnh mình, chỉ biết phục tùng mình. Kiêu căng, ngã mạn, chẳng biết hổ thẹn, chẳng tự răn dè, kiêng nể, khó bề giáo hóa, hàng phục. Bởi thế, kinh nói: “*Bất tự tâm cụ, nan khả hàng hóa, thường hoài kiêu mạn*” (Chẳng tự hổ thẹn, kiêng sợ, khó thể hàng phục, giáo hóa, thường ôm lòng kiêu mạn). Cái tội mạn nếu đem kết hợp với ba độc thì có tham mạn, sân mạn, si mạn, đều thuộc về Tư Hoặc.

“*Lại kỳ tiền thế phước đức doanh hộ*” (Ý vào phước đức đời trước giữ gìn cho mình): Theo Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa, Lại (賴) chính là chữ Vệ (衛), có nghĩa là bảo vệ. Những kẻ ác có thể hoành hành nhất thời như trên đều là do phước đức đời trước che chở họ, nhưng “*kim thế vi ác, phước đức tận diệt*” (Đời này làm ác, phước đức tận diệt). Ngài Vọng Tây bảo: “*Nghiệp lành đời trước diệt sạch, thiện thân bỏ đi nên đời này gặp nạn, đây là điều đau khổ vậy*”. Ngài Tịnh Ảnh nói: “*Nghiệp lành đời trước diệt hết, thiện thân xa lìa, thân không nơi nương dựa, gặp nhiều nạn ác là nỗi đau khổ vậy*”.

“*Hựu kỳ danh tịch*” (Tên tuổi của người ấy): Danh (名) là tên họ, Tịch (籍) là hồ sơ ghi tội; “*ký tại thân minh*” (được ghi chép nơi thân minh): Thân minh đem tội lỗi của kẻ ác ghi vào trong sổ ghi án.

Sách Hội Sớ giảng câu “*ương cữu khiên dẫn*” (vạ ương lôi dắt) như sau: “*Chẳng ai lôi kéo được mình, chỉ có nghiệp của chính mình ràng buộc mà lọt vào đường ác*”. “*Nhập u hỏa hoạch*” là tự vào trong lửa cháy và vạc nước sôi nơi địa ngục. “*Tôi toái*” (摧碎) là đập vỡ, phá nát.

“*Thần hình*” (神形) là tinh thần và hình thể. Tịnh Ảnh Sớ giảng: “*Do ác nghiệp lôi kéo, quỷ thần chộp nắm, nên vào trong ác đạo chịu khổ, bị nung đốt*”. Bởi thế bảo là “*cực khổ*” (khổ sở tận cùng). Ngay lúc đó, đâu có hỏi hận cũng chẳng làm gì được nên bảo là “*hỏi phục cập hồ?*” (đầu hỏi kịp chăng).

### **Chánh kinh:**

其五者，世間人民徙倚懈怠。不肯作善，治身修業。父母教誨，違戾反逆。譬如怨家，不如無子。負恩違義，無有報償。放恣遊散，耽酒嗜美。

魯扈抵突，不識人情。無義無禮，不可諫曉。六親眷屬，資用有無，不能憂念。不惟父母之恩，不存師友之義。意念身口，曾無一善。不信諸佛經法，不信生死善惡。欲害真人，鬪亂僧眾。愚痴蒙昧，自為智慧。不知生所從來，死所趣向。不仁不順，希望長生。慈心教誨，而不肯信。苦口與語，無益其人。心中閉塞，意不開解。大命將終，悔懼交至。不豫修善，臨時乃悔。悔之於後，將何及乎！

*Kỳ ngũ giả, thế gian nhân dân tử ý giải đãi, bất khăng tác thiện, trị thân tu nghiệp, phụ mẫu giáo hối, vi lệ phản nghịch, thí như oán gia, bất như vô tử. Phụ ân vi nghĩa, vô hữu báo thường. Phóng tử du tán, đam tửu thị mỹ, lỗ hồ để đột, bất thức nhân tình, vô nghĩa, vô lễ, bất khả gián hiểu. Lục thân quyến thuộc, tư dụng hữu vô, bất năng ưu niệm. Bất duy phụ mẫu chi ân, bất tôn sư hữu chi nghĩa, ý niệm thân khẩu tăng vô nhất thiện. Bất tín chư Phật kinh pháp, bất tín sanh tử thiện ác. Dục hại thân nhân, đấu loạn tăng chúng, ngu si mê muội, tự vi trí huệ. Bất tri sanh sở tùng lai, tử sở thú hướng. Bất nhân bất thuận, hy vọng trường sanh. Từ tâm giáo hối, nhi bất khăng tín. Khổ khẩu dữ ngữ, vô ích kỳ nhân. Tâm trung bế tắc, ý bất khai giải, đại mạng tương chung, hối cụ giao chí, bất dự tu thiện, lâm thời nãi hối. Hối chi ư hậu, tương hà cập hồ!*

Thứ năm là nhân dân trong thế gian chần chừ, lười biếng, chẳng chịu làm lành, sửa thân, tu nghiệp. Cha mẹ răn dạy thì chống đối, hỗn hào, trái nghịch hết như oan gia, chẳng bằng không con. Phụ ân trái nghĩa, chưa từng đáp đền. Phóng túng chơi bời, lông bông, ham rượu, mê vị ngon, thô lỗ, khoác lác, càn quấy, chẳng hiểu nhân tình. Vô nghĩa, vô lễ, chẳng thể khuyên can, giảng giải. Lục thân, quyến thuộc dù no đủ hay thiếu thốn, chẳng thêm lo nghĩ. Chẳng nghĩ ơn cha mẹ, chẳng kể nghĩa thầy bạn. Ý niệm, thân, khẩu chưa hề có một điểm lành. Chẳng tin kinh pháp của chư Phật, chẳng tin sanh tử, thiện ác, muốn hại Thân Nhân, gây rối tăng chúng. Ngu si, mê muội, tự cho là trí huệ, chẳng biết sanh từ đâu đến, chết đi về đâu. Chẳng nhân, chẳng thuận lại hy vọng trường sanh. Từ tâm răn dạy mà chẳng chịu tin. Rát miệng bảo ban [cũng] chẳng ích gì cho kẻ đó. Cõi lòng bế tắc, ý chẳng khai giải. Mạng lớn

**sấp hết, hồi, sợ rồi bời, chẳng tu thiện sẵn, đến lúc ấy mới hồi. Dấu hồi hận vào lúc cuối cùng cũng nào ích chi!**

### **Giải:**

“*Kỳ ngữ giả*”: Đây là điều thứ năm [trong Ngũ Khổ, Ngũ Thống, Ngũ Thiêu]. Với điều này, cổ đức có hai cách giải thích:

1. Một là giống như những điều trên, điều này giảng về tội lỗi của việc uống rượu. Các vị Tịnh Ảnh, Gia Tường theo quan điểm này. Phần kinh văn trên có câu: “*Đam tửu, thị mỹ*” (Ham rượu, mê vị ngon), tiếp đó lại nêu lên các điều ác khác để nói rõ tai hại của rượu.

2. Quan điểm thứ hai là năm điều ác này thật ra bao gồm cả mười điều ác như ngài Nghĩa Tịch nói: “*Ba nghiệp ác nơi thân là ba điều đầu (trong Ngũ Ác, Ngũ Thống, Ngũ Thiêu). Bốn nghiệp ác nơi miệng gộp thành điều thứ bốn. Ba nghiệp ác nơi ý hợp thành điều thứ năm*”. Nghĩa là: Ba nghiệp sát sanh, trộm cắp, tà dâm là điều ác thứ nhất, thứ hai và thứ ba. Bốn nghiệp ác nơi miệng là điều ác thứ tư. Cho đến đây, hai thuyết vẫn giống nhau. Nhưng riêng với điều ác thứ năm, các vị như Tịnh Ảnh... cho là tội uống rượu, còn ngài Nghĩa Tịch lại cho là [điều này] chỉ chung cả ba nghiệp ác nơi ý, tức là tham, sân, si.

Ông Bành Tế Thanh đời Thanh cũng có cùng quan niệm này. Trong cuốn Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận, ông viết: “*Đối với ý nghĩa của năm ác thì đặc biệt chuẩn theo các kinh khác mà phối hợp với Thập Ác. Điều ác thứ nhất thuộc về sát nghiệp. Điều ác thứ hai thuộc về tham, trộm. Điều ác thứ ba thuộc về dâm nghiệp. Điều ác thứ tư thuộc về nói dối, nói đôi chiều, ác khẩu, nói thêu dệt. Điều ác thứ năm thuộc sân hận, tà kiến. Trái ngược với chúng là năm điều lành, cũng gọi là Thập Thiện*”. So với thuyết của ngài Nghĩa Tịch, thuyết của ông Bành chỉ khác một ít, vì tà kiến là từ si sanh ra.

Ở đây, tôi giải thích kinh văn dựa theo cả hai thuyết cho nên bảo điều ác thứ năm là lỗi uống rượu; lại vì rộng khuyên Thập Thiện nên dùng kèm cả thuyết sau. Hai thuyết trên thoát nhìn khác nhau, nhưng thật sự chẳng trái nghịch nhau. Bởi vì ham mê chè chén chính là tham ác. Say rồi dễ nổi nóng, đó là sân độc. Rượu khiến cho thần trí hôn ám, uống quá độ thậm chí bất tỉnh nhân sự chính là si độc. Đủ thấy một cái lỗi uống rượu thường có đủ cả ba độc.

Sách Tư Trì Ký bảo uống rượu có mười cái hại. Sách viết: “*Một là về mặt xấu ác, hai là yếu sức, ba là mắt nhìn chẳng rõ, bốn là hiện ra*

vẻ nóng giận (sân độc), năm là tổn hoại nghề nghiệp mưu sinh, sáu là tăng tật bệnh, bảy là tăng thêm tranh chấp, cãi cọ (sân độc), tám là không còn tiếng tăm, chín là trí huệ kém (si độc), mười là khi mạng chung sẽ đọa trong ba ác đạo”. Trong những điều trên, điều thứ tư, điều thứ bảy là Sân, điều thứ chín là Si. Đời cũng có câu: “Rượu vào loạn tánh” nghĩa là rượu có khả năng làm cho tâm ý và bản tánh lương thiện của con người bị mê loạn khiến cho con người tạo ác.

Nay kinh đây bảo: “*Đam tửu, thị mỹ*” (Ham rượu, mê vị ngon) thì chính là cả hai độc Tham và Si. Bởi thế một tội uống rượu thật sự gồm cả ba điều ác nơi ý nghiệp. Bởi thế, hai thuyết trên đây chỉ là do nói tách ra hay gộp lại mà thành ra sai khác mà thôi.

Tiếp đó, kinh nói chi tiết về những tai hại, ương họa của việc uống rượu. “*Tỷ ý giải đãi*”: “*Tỷ ý*” (徙倚) là do dự, “*giải đãi*” (懈怠) là biếng nhác. Ý nói: Trong tâm do dự, phóng dật, biếng nhác, chỉ cốt được an nhàn tằm thân chẳng thể tu thân, làm lành. Bởi thế, tiếp đó, kinh nói: “*Bất khảng tác thiện, trị thân tu nghiệp*” (Chẳng chịu làm lành, sửa thân, tu nghiệp). Chữ “*nghiệp*” ở đây chỉ chánh nghiệp. Câu này ý nói: Người ác chẳng chịu tu sửa thân mình, chẳng siêng tu chánh nghiệp.

Kẻ áy dỗi với lời răn dạy của cha mẹ liền “*vi lệ phản nghịch*”. “*Vi*” (違) là kháng cự lại. “*Lệ*” (戾) là hung bạo, hỗn ác. “*Vi lệ*” có nghĩa là chống chọi, láo xược. “*Phản nghịch*” (反逆) là ngỗ nghịch, bất hiếu. Cha mẹ có con mà hết như có oan gia nên bảo là “*bất như vô tử*” (chẳng bằng không con).

Đứa con ác như thế bội bạc từ ân nên bảo là “*phụ ân*”, trái nghịch lẽ nghĩa nên bảo là “*vi nghĩa*” (trái nghĩa). “*Vô hữu báo thường*” nghĩa là đối với ân đức của cha mẹ hoàn toàn chẳng báo đáp. “*Phóng tứ*” (放恣) là phóng dăng, tự tung tự tác. “*Đam tửu*” (耽酒) là ưa say sưa, chè chén. “*Thị mỹ*” (嗜美) là ham thích ăn đồ mỹ vị. “*Đam*” (耽) còn có nghĩa theo đuổi cái vui quá độ, “*thị*” (嗜) là tham lam chẳng chán. Câu này ý nói mặc tình chè chén, ăn uống, tham ăn vô độ, đây chính là lỗi ác của việc rượu chè.

Trong sách Thuật Nghĩa, ngài Nghĩa Tịch giảng chữ “*lỗ hồ*” (魯扈) như sau: “*Lỗ là lỗ mãng, đàn độn, chẳng hay biết gì. Hồ là huênh hoang, mặc sức tự đại*”. “*Để đột*” (抵突) là ngu cuồng, luôn làm càn, chẳng hiểu việc gì, nhưng không việc gì lại không làm. Sách Phụ Hành ghi: “*Thô lỗ, huênh hoang... là đáng vẻ chẳng biết xấu hổ, bất thuận*”.

Bởi thế, “*bất thức nhân tình, vô nghĩa, vô lễ*” (chẳng hiểu nhân tình, vô nghĩa, vô lễ). “*Nghĩa*” (義) là “*nghi*” (宜: Thích đáng, nên), tức là những gì quy định khiến cho mọi sự được thích đáng, đúng đắn. Chữ “*lễ*” (禮) được sách Lễ Ký giảng như sau: “*Thuận nhân tình là Lễ*”. Sách Hội Sớ lại bảo: “*Quyết đoán đúng sai, thấy cái nào thích đáng thì làm theo, đó là Nghĩa. Phân đoán, biện định tôn ty, chẳng trái với chuẩn mực, pháp tắc thì là Lễ*”. Nghĩa là: Phân biệt, biện định đúng, sai, việc làm đúng đắn là Nghĩa. Biết tôn, ty, lớn, nhỏ, chẳng trái phạm quy ước đạo đức xã hội chính là Lễ. Vì trái nghịch với lễ nghĩa nên bảo là “*vô nghĩa, vô lễ*”. “*Bất khả gián hiểu*” (Chẳng thể khuyên can, giảng giải): Gián (諫) là dùng đạo để chỉnh người khác, nghĩa là khuyên ngăn để kẻ ấy hành xử đúng đắn. Hiểu (曉) là khuyên bảo, dùng lời lẽ dạy dỗ người khác. “*Lục thân*” là cha, mẹ, anh, em, vợ, con. Hiền Dương Đại Giới Luận có câu: “*Lục thân là ba đời trên của mình, tức là cha mẹ, ông bà, ông cố, bà cố và ba đời dưới mình: con cái, cháu và chắt*”. Sách Vô Lượng Thọ Kinh Sao giảng chữ “*quyến thuộc*” là: “*Ngoài lục thân thì gọi là quyến thuộc*”.

“*Tư dụng*” (資用) là những vật dùng để sanh sống như tiền bạc, lúa gạo v.v... Kẻ ác như vậy đối với những vật cần thiết để duy trì cuộc sống của lục thân, quyến thuộc hoàn toàn chẳng thèm quan tâm đến, nên kinh nói: “*Tư dụng vô hữu, bất năng ưu niệm*” (Dù no đủ hay thiếu thốn, chẳng thèm lo nghĩ). Đối với ơn cha mẹ, nghĩa thầy bạn, hoàn toàn chẳng nghĩ tới, thản nhiên như không, nên kinh bảo: “*Bất duy phụ mẫu chi ân, bất tôn sư hữu chi nghĩa*” (Chẳng nghĩ ơn cha mẹ, chẳng kể nghĩa thầy bạn).

Câu “*ý niệm thân khẩu, tăng vô nhất thiện*” (Ý niệm, thân, khẩu chưa hề có một điểm lành) được bản Ngụy dịch ghi là: “*Tâm thường niệm ác, khẩu thường ngôn ác, thân thường hành ác, tăng vô nhất thiện*” (Tâm thường nghĩ điều ác, miệng thường nói điều ác, thân thường làm ác, chưa từng có một điều lành nào). Rõ ràng là ba nghiệp thân, khẩu, ý thường tạo nghiệp ác, chưa từng làm được việc lành gì. Câu này đủ chứng minh thuyết của ngài Nghĩa Tịch thật quả có căn cứ.

Câu “*bất tín chư Phật kinh pháp, bất tín sanh tử thiện ác*” (chẳng tin kinh pháp của chư Phật, chẳng tin sanh tử, thiện ác) là nói về si họa. Chẳng tin Phật pháp, bác không nhân quả thì chính là Nhất-xiển-đề.

Câu “*dục hại Chân Nhân*” (muốn hại Chân Nhân) được bản Ngụy dịch ghi là “*dục sát Chân Nhân*” (muốn giết Chân Nhân), bản



Hán dịch ghi là “*dục hại La Hán*” (muôn hại La Hán). Sách Huyền Ứng Âm Nghĩa giảng: “*Chân Nhân là A La Hán*”. Sách Pháp Hoa Sớ Ký lại bảo: “*Chân là sự chứng đắc. Do [A La Hán] là bậc chứng đắc chân thật nên gọi là Chân Nhân*”. Giết A La Hán chính là Ngũ Nghịch trọng tội.

“*Đấu*” (鬪) là đấu tranh, “*loạn*” (亂) là làm lạc, trái nghịch. Do vậy, “*đấu loạn Tăng chúng*” chính là tội “*phá hòa hợp Tăng*” trong Ngũ Nghịch. Đối với Tăng chúng hòa hợp tu hành đúng theo Phật pháp lại dùng thủ đoạn để ly gián, khiến họ tranh chấp, rối loạn, khiến pháp sự bị phế bỏ thì gọi là “*phá hòa hợp Tăng*”.

Kinh A Xà Thế Vương Vấn Ngũ Nghịch dạy: “*Hữu ngũ nghịch tội, nhược tộc tánh tử, tộc tánh nữ, vi thử ngũ bất cứu tội giả, tất nhập địa ngục bất nghi. Vân hà vi ngũ? Vị sát phụ, sát mẫu, hại A La Hán, đấu loạn chúng tăng, khởi ác ý u Như Lai sở*” (Có năm tội nghịch nếu tộc tánh tử, tộc tánh nữ phạm những tội này thì không thể cứu được, ắt nhập địa ngục, chẳng còn nghi gì nữa. Những gì là năm? Tức là giết cha, giết mẹ, hại A La Hán, đấu loạn chúng Tăng, khởi ác ý đối với đức Như Lai). Năm thứ ấy chính là Ngũ Vô Gián nghiệp, chiêu cảm khổ quả trong địa ngục Vô Gián. Trên đây là nói về lỗi ác của Sân và Si.

Từ chữ “*ngu si, mê muội*” trở đi là nói về những sự đau khổ phát sanh từ si ác. “*Mê muội*” là vô tri. Ngu si, vô tri lại “*tự vi trí huệ*” (tự cho là có trí huệ), tự cho mình là đúng thì thật là ngu si đến cùng cực!

Lại do vì ngu si nên chẳng tin nhân quả ba đời; thế nên chẳng biết đời này sanh từ đâu đến, cũng chẳng biết chết đi sẽ sanh về đâu? Chẳng hiểu rõ nhân quả, chẳng tin luân hồi, chẳng biết lợi tha, chỉ toan tự lợi nên đối xử với người khác toàn là “*bất nhân, bất thuận*” (Trang Tử nói: “*Yêu người, làm lợi cho người là Nhân*”. “*Thuận*” (順) là hòa thuận). Do chỉ biết tự lợi nên “*hy vọng trường sanh*”. Con người thế ấy tâm ngu, hạnh kém, tuy “*từ tâm giáo hối, nhi bất khăng tín, khổ khẩu dữ ngữ, vô ích kỳ nhân*” (từ tâm răn dạy mà chẳng chịu tin, rất miệng bảo ban vẫn chẳng ích gì cho người đó). Bởi vì kẻ si như thế tâm lòng đóng chặt, đâu nghe lời hay cũng chẳng thể lãnh hội, hiểu nổi. Rõ ràng là do si độc chiêu cảm nỗi đau khổ.

Vì thế, Tịnh Ảnh Sớ viết: “*Hiện đang có ngu si, ám chương che lấp cái tâm, chẳng hiểu biết gì. Bởi vậy, đó là đau khổ*”. Nghĩa là: Do ngu si che lấp cái tâm nên vô tri, mê muội; đấy thật là nỗi đau lớn lao của kiếp người.

Ngài Nghĩa Tịch giảng chữ “đại mạng” trong câu “đại mạng tương chung, hối cụ giao chi” (đại mạng sắp dứt, hối hận, hoảng sợ rồi bời) như sau: “Sanh tử là đại mạng, cùng quần là tiểu mạng”. Ngài Vọng Tây giảng chữ “hối cụ” (悔懼) như sau: “Hối cụ là lúc mạng sắp dứt, lửa địa ngục hiện tiền. Lúc thấy tướng ấy, sanh lòng hoảng sợ, hối hận. Hối hận chen lẫn hoảng sợ nên bảo là ‘giao chi’”. Lửa địa ngục bức bách thân là “thiên”. Người ta nếu chẳng nhân lúc còn sống tu sửa việc lành từ trước, để đến lúc lâm chung mới hối hận thì đã trễ; hối hận cũng chẳng làm gì được!

### **Chánh kinh:**

天地之間，五道分明。善惡報應，禍福相承。身自當之，無誰代者。善人行善，從樂入樂，從明入明。惡人行惡，從苦入苦，從冥入冥。誰能知者，獨佛知耳。教語開示，信行者少。生死不休，惡道不絕。如是世人，難可具盡。故有自然三途，無量苦惱，輾轉其中。世世累劫，無有出期。難得解脫，痛不可言。

*Thiên địa chi gian, ngũ đạo phân minh, thiện ác báo ứng, họa phước tương thừa, thân tự đương chi, vô thù đại giả. Thiện nhân hành thiện, từng lạc nhập lạc, từng minh nhập minh. Ác nhân hành ác, từng khổ nhập khổ, từng minh nhập minh. Thù năng tri giả, độc Phật tri nhĩ. Giáo ngữ khai thị, tín hành giả thiểu. Sanh tử bất hưu, ác đạo bất tuyệt. Như thị thế nhân, nan khả cụ tận. Cố hữu tự nhiên tam đồ, vô lượng khổ não, triển chuyển kỳ trung. Thế thế lũy kiếp, vô hữu xuất kỳ, nan đắc giải thoát, thống bất khả ngôn!*

Trong vòng trời đất, ngũ đạo phân minh, thiện ác báo ứng, họa phước tiếp nối, thân phải tự lãnh, chẳng ai thế cho. Người lành làm lành từ vui vào vui, từ chỗ sáng vào chỗ sáng. Kẻ ác làm ác từ khổ vào khổ, từ tối vào nơi tối. Ai biết được thế? Chỉ mình đức Phật biết nổi mà thôi! Dạy bảo khai thị, kẻ tin hành theo thì ít. Sanh tử chẳng ngơi, ác đạo chẳng dứt. Người đời như vậy khó thể hết sạch. Bởi vậy, tự nhiên có tam đồ, vô lượng khổ não, xoay vần trong đó đời đời kiếp kiếp, chẳng có thuở ra, khó được giải thoát, đau đớn chẳng thể nói nổi!

## Giải:

Đoạn này tổng kết năm sự ác, năm sự đau đớn, năm sự đốt.

Sách Hội Sớ giảng câu “*thiên địa chi gian, ngũ đạo phân minh*” (trong vòng trời đất, ngũ đạo phân minh) như sau: “*Trời đất là sở y thế giới khí thể gian*<sup>93</sup>, [*chữ thiên địa*] chỉ chung cả ba cõi. Ngũ đạo là năng y hữu tình<sup>94</sup>, chỉ chung cả đường lành lẫn nẻo ác. Nhân quả khổ vui ai cũng thường thấy nên bảo là phân minh”.

Ngài Nghĩa Tịch lại nói: “*Trong vòng trời đất, sanh tử trong năm đường, nhân quả phân minh*”, ý nói: Hễ có nhân ắt có quả. Nghiệp nhân như thế thì quả báo như thế, chẳng sai một mảy.

“*Thiện ác báo ứng*”: Sách Tiên Chú giảng chữ “*báo ứng*” như sau: “*Có làm ắt có báo, có cảm ắt có ứng*”. Như vậy, họa phước gặp phải trong hiện tại đều là báo ứng của túc nhân (nhân đã tạo trong đời trước).

Sách Hội Sớ nói: “*Thiện ác thuộc về nhân; họa phước thuộc về quả. Nhân có thiện ác, quả cảm khổ vui. Bóng theo hình, tiếng vọng theo âm thanh, chẳng sai tơ tóc*”. Bóng ắt theo hình, tiếng vọng vang ra từ âm thanh không sai mảy may; nghiệp nhân, quả báo cũng giống như thế.

“*Họa phước tương thừa*” (Họa phước tiếp nối): Sách Hội Sớ giảng chữ Thừa (承) là “nhận lãnh, tiếp nối”. Nghiệp nhân đời trước có thiện ác lẫn lộn nên đời sau thọ báo thì hoặc là trước vui sau khổ, hoặc là trước khổ sau vui. Khổ vui tiếp nối, họa phước thay phiên nhau nên bảo là “*họa phước tương thừa*”. Làm lành được phước, tạo ác mắc họa, đều là tự mình làm tự mình chịu nên bảo là “*thân tự đương chi, vô thù đại giá*” (thân phải tự lãnh, chẳng ai thế cho).

Tổng hợp ý kiến của ngài Nghĩa Tịch và tác giả sách Hội Sớ, các câu từ chữ “*thiện nhân hành thiện*” (người lành làm lành) đến “*tùng minh nhập minh*” (從冥入冥: từ chỗ tối vào chỗ tối) được hiểu như sau:

---

<sup>93</sup> Khí (器) có nghĩa là vật chất. Khí thể gian (hay còn gọi là khí giới: 器界) chính là thế giới vật chất, như các cõi Phật, hư không vũ trụ, là chỗ để chúng sanh nương tựa vào hòng tồn tại.

<sup>94</sup> Năng y hữu tình: Chúng sanh (hữu tình) nương tựa vào cõi nước để tồn tại thì gọi là Năng Y, còn cõi nước ấy được gọi là Sở Y.

Thiện nhân là người gieo cái nhân lành; đời sau sanh trong nhà tôn quý, thân hình đoan chánh, duyên cảnh hòa hợp, đẹp đẽ, thân tâm sướng vui; đó là “*lạc*” (樂). Người ấy lại còn sáng suốt, thông đạt, ưa điều thiện, thích bố thí; ấy là “*minh*” (明). Nếu người ấy lại làm nhiều thiện nghiệp, siêng tu phước huệ thì được sanh lên trời. Hay hơn nữa là niệm Phật cầu sanh Tây phương v.v... Ấy là “*tùng minh nhập minh*” (從明入明: từ chỗ sáng vào chỗ sáng).

Còn kẻ ác tạo ác nghiệp, gieo nhân ác, chịu quả ác. Vì thế, sanh trong nhà ty tiện, hình dung khô khốc, cả đời lẫn rách bứt não thân tâm; ấy là khổ. Lại còn ngu muội, vô tri, chẳng tin chánh pháp, chẳng làm việc lành; ấy là “*minh*” (冥: tối tăm). Nếu còn làm nhiều ác nghiệp, chết sẽ đọa ác đạo, nên bảo: “*Tùng khổ nhập khổ, tùng minh nhập minh*” (從苦入苦, 從冥入冥: Từ khổ vào khổ, từ tối vào nơi tối).

Tiếp đó, kinh dạy rõ lý nhân quả sanh tử trong sáu đường như thế rất u huyền; cả chín mươi lăm phái ngoại đạo chẳng thể biết được nổi, chỉ mình đức Thế Tôn ta biết được căn nguyên nên nói: “*Độc Phật tri nhĩ*” (Chỉ riêng đức Phật biết mà thôi). Phật rủ lòng giáo hóa, mở bày sự chân thật, nhưng chúng sanh ngu si, chẳng tin theo, chẳng hành theo. Bởi vậy, Phật nói: “*Tín hành giả thiếu*” (Kẻ tin hành theo thì ít). Do đó, thế gian “*sanh tử bất hưu, ác đạo bất tuyệt*” (sanh tử chẳng ngơi, ác đạo chẳng dứt). Người đời chẳng tin lời Phật dạy răn cứ làm ác không thôi.

Các câu tiếp đó như: “*Cố hữu tự nhiên tam đồ...*” (Bởi vậy, tự nhiên có tam đồ...) nghĩa đã quá rõ.

### **Chánh kinh:**

如是五惡、五痛、五燒，譬如大火，焚燒人身。若能自於其中一心制意，端身正念，言行相副，所作至誠，獨作諸善，不為眾惡。身獨度脫，獲其福德，可得長壽泥洹之道。是為五大善也。

*Như thị ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu, thí như đại hỏa, phân thiêu nhân thân. Nhược năng tự kỳ trung nhất tâm chế ý, đoan thân chánh niệm, ngôn hạnh tương phó, sở tác chí thành, độc tác chư thiện, bất vi chúng ác, thân độc độ thoát, hoạch kỳ phước đức, khả đắc trường thọ Nê Hoàn chi đạo. Thị vi ngũ đại thiện giả.*

**Năm điều ác, năm sự đau đớn, năm sự đốt như thế, ví như lửa lớn thiêu đốt thân người. Nếu có thể tự ở trong ấy, nhất tâm chế ý, đoan thân chánh niệm, lời nói phù hợp với việc làm, việc làm chí thành, chỉ làm các điều thiện, chẳng làm các điều ác, thân riêng được độ thoát, đạt được phước đức, đạt được đạo Nê Hoàn trường thọ. Đây là năm điều đại thiện vậy.**

### **Giải:**

Đoạn cuối của phẩm kinh này khuyên chuyển đổi năm điều ác thành năm điều thiện.

Câu “*thí như đại hỏa, phân thiêu nhân thân*” (ví như lửa lớn thiêu đốt thân người) là dùng lửa lớn ví cho năm điều ác. Nếu ai có thể trong năm thứ đau đớn, năm thứ thiêu đốt ấy mà chuyên nhất tâm mình, chế ngự, ngăn dứt ba điều ác trong ý nghiệp, giữ cho thân tâm đoan chánh, lời nói đi đôi với việc làm, thành thật chẳng dối, chẳng làm các điều ác thì sẽ đạt được các phước, thoát khỏi sanh tử. Sách Hội Sớ nói: “*Khởi hạnh đúng với lời nói, dùng hạnh để thực hiện lời nói thì gọi là ‘ngôn hạnh tương phó’ (lời nói phù hợp với việc làm). Phó (副) là phù hợp, xứng hợp*”.

“*Trường thọ*” là trường sanh. Thế gian đâu có sự trường sanh, chỉ có chứng được đạo vô thượng thì mới bất sanh bất diệt. Vì vậy, lia được sự sanh tử của thế gian mới đúng là trường sanh thật sự. “*Nê Hoàn*” chính là Niết Bàn, là quả của sự chứng ngộ trọn vẹn ba đức. Nói riêng trong Tịnh tông thì Niết Bàn chính là Cứu Cánh Tịch Quang. Sự lành như thế gọi là “*đại thiện*”.

Phẩm này giảng rộng về nhân quả thiện ác. Phước “*thâm tín nhân quả*” (tín sâu nhân quả) trong ba thứ phước được giảng trong Quán kinh cũng chỉ giống như lời khuyên ở đây mà thôi. Người đời ngu si, chẳng trọng nhân quả, hoặc có kẻ còn vọng ngôn bài bác không có nhân quả, chống báng lời Phật răn dạy.

Bản Ngô dịch còn chép: “*Chư dục vãng sanh A Di Đà Phật quốc giả, tuy bất năng đại tinh tấn, thiên định, trì kinh giới, đại yếu đương tác thiện*” (Những người muốn được sanh về cõi Phật A Di Đà nếu chẳng thể đại tinh tấn, Thiên Định, trì kinh giới thì nói chung hãy nên làm lành). Cư sĩ Bàn Tế Thanh nói: “*Thập Thiện vốn là nghiệp để sanh cõi trời, nay đem nhân duyên niệm Phật hồi hướng Cực Lạc, tức là chuyển nghiệp sanh cõi trời thành Tịnh nghiệp. Vì sao vậy? Người niệm Phật*

*còn chuyển được nghiệp ác, lẽ nào chẳng chuyển được nghiệp sanh cõi trời?”* Vì thế, người tu Tịnh nghiệp phải tận hết sức mình hành thêm các điều thiện.

Như ta thường nghe nói “*đổi nghiệp vãng sanh*” (mang theo nghiệp đi vãng sanh) thì cái nghiệp ấy chính là túc nghiệp. Những ác nghiệp trong những đời trước chưa tiêu hết hoàn toàn, nhưng do bản nguyện của Phật và điều đức của việc trì danh nên được đổi nghiệp vãng sanh, chẳng lọt vào đường ác nữa (Nguyện thứ hai của A Di Đà Phật là: “*Lai sanh ngã sát, thọ ngã pháp hóa... bất phục cánh đọa ác thú*” - Sanh vào cõi ta, được ta giáo hóa... chẳng đọa trong đường ác nữa). Như vậy, cái nghiệp được nói trong “*đổi nghiệp*” chính là túc nghiệp, chứ quyết chẳng phải là cái nghiệp hiện hành. Như trong kinh Niết Bàn có nói người đồ tể tên Quảng Ngạch buông con dao mổ xuống thì ngay lập tức thành Phật; ta thấy rằng để thành Phật thì phải buông bỏ được con dao mổ. Nếu kẻ tu Tịnh Độ một mặt niệm Phật, mặt khác lại làm ác; cứ tu Tịnh Độ kiêu đó thì quyết định chẳng thể vãng sanh nổi!

Lại có kẻ cho rằng làm lành là thuộc về Nhân Thiên thừa nên coi thường. Đời Đường, ngài Ô Khoa thiền sư (tức Ô Sào thiền sư) dùng cách thổi sợi lông trên vải để dạy đệ tử là Hội Thông, đệ tử liền ngộ nhập. Ngài dùng bài kệ “*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*” (Đừng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành) để dạy ông Bạch Cư Dị. Ông Bạch bảo: “*Hai câu ấy thì đứa nhỏ ba tuổi cũng nói được*”. Ngài Ô Khoa bảo: “*Ông lão tám mươi làm điều đó còn chẳng xong*”.

Ông Bạch Cư Dị nghĩ hai câu ấy là cạn cợt, coi việc thổi lông trên tấm vải mới là sâu xa. Ô Sào thiền sư coi hai việc ấy bình đẳng như nhau. Một kẻ mê, một người ngộ, xa cách nhau một trời một vực. Nếu là người căn cơ viên đốn thì pháp nào cũng viên cả. Nhân thiên thừa chính là Nhất Phật thừa, lẽ đâu coi thường ư?

Điểm mấu nhiệm của Tịnh tông là ở chỗ chiếu Chân đạt Tục. Nếu rộng hành các điều lành thì chẳng những tạo phước cho xã hội hiện tại mà còn là trợ hạnh cho Tịnh nghiệp nữa. Lại thêm tín nguyện sâu chắc, trì danh hiệu Phật thì kiêm cả tự lợi lẫn lợi tha, thường vui sướng vô cực.

Hơn nữa, phẩm này giảng rộng về đời trước ác khổ, tuy chỉ giảng bày rộng rãi về mặt sự tướng, nhưng thật đã hiển bày trọn vẹn Nhất Tâm. Tâm như uế ất cõi như uế, tâm ác ất sanh trong đường ác. Không

thứ nào chẳng do tự tâm biến hiện. Kinh đã giảng rõ hai cõi tịnh - uế để ta biết mà ưa thích hay chán nhàm. Sách Di Đà Yêu Giải viết:

*“Sa Bà chính là do cái nhớ bản trong tâm mình cảm thành, theo đúng lý phải nên chán lìa những cái nhớ uế trong tâm mình; Cực Lạc chính là những cái thanh tịnh trong tâm mình cảm thành, theo đúng lý phải vui cầu những cái thanh tịnh trong tâm mình. Đã chán uế thì phải bỏ đến rốt ráo không còn gì để bỏ nữa; ưa tịnh thì phải lấy cho đến rốt ráo không còn gì để lấy được nữa.*

*Sách Diệu Tông nói: ‘Lấy và bỏ nếu đạt đến cùng cực thì cũng hoàn toàn chẳng khác gì với không lấy bỏ’. Giả sử chẳng từ Sự để lấy bỏ, lại toan chẳng lấy, chẳng bỏ thì chính là chấp Lý phé Sự. Đã bỏ Sự thì Lý cũng chẳng trọn vẹn. Nếu thấu hiểu toàn Sự là Chân thì lấy cũng là Lý mà bỏ cũng là Lý. Một lấy, một bỏ không gì chẳng phải là pháp giới”.*

Thuyết của sách Yêu Giải sự lý viên dung, khế hợp khéo léo với Trung Đạo.